



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Fax: +84.28 6298 3490

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2021

BẢN TIN SỐ 1323

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 08/10/2021 đến ngày 14/10/2021)

AI THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	08-10	11-10	12-10	13-10	14-10
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	394 - 398	394 - 398	394 - 398	394 - 398	395 - 399
	5% tấm	384 - 388	384 - 388	384 - 388	384 - 388	385 - 389
	25% tấm	373 - 377	373 - 377	373 - 377	373 - 377	375 - 379
	Hom Mali 92%	638 - 642	656 - 660	656 - 660	656 - 660	658 - 662
	Gạo đỏ 100% Stxd	390 - 394	390 - 394	390 - 394	390 - 394	392 - 396
	A1 Super	354 - 358	354 - 358	354 - 358	354 - 358	361 - 365
VIỆT NAM	5% tấm	433 - 437	433 - 437	438 - 442	438 - 442	433 - 437
	25% tấm	403 - 407	403 - 407	413 - 417	413 - 417	408 - 412
	Jasmine	583 - 587	583 - 587	583 - 587	573 - 577	573 - 577
	100% tấm	338 - 342	338 - 342	338 - 342	338 - 342	338 - 342
ẤN ĐỘ	5% tấm	368 - 372	368 - 372	368 - 372	368 - 372	368 - 372
	25% tấm	338 - 342	338 - 342	338 - 342	338 - 342	338 - 342
	Gạo đỏ 5% Stxd	353 - 357	353 - 357	353 - 357	353 - 357	353 - 357
	100% tấm Stxd	278 - 282	278 - 282	278 - 282	278 - 282	278 - 282
PAKISTAN	5% tấm	378 - 382	373 - 377	373 - 377	373 - 377	373 - 377
	25% tấm	343 - 347	338 - 342	338 - 342	338 - 342	338 - 342
	100% tấm Stxd	310 - 314	308 - 312	308 - 312	308 - 312	308 - 312
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	348 - 352	348 - 352	348 - 352	348 - 352	348 - 352
MỸ	4% tấm	585 - 589	585 - 589	585 - 589	585 - 589	583 - 587
	15% tấm (Sacked)	565 - 569	565 - 569	565 - 569	565 - 569	565 - 569
	Gạo đỏ 4% tấm	603 - 607	603 - 607	603 - 607	603 - 607	606 - 610
	Calrose 4%	1.165 – 1.169	1.165 – 1.169	1.165 – 1.169	1.165 – 1.169	1.165 – 1.169

2. Xuất khẩu gạo hàng (23/09 - 29/09/2021) của các nước lớn:

Ngày 04/10/2021

(Nguồn: TRT, ĐVT: Ngàn tấn)

Nước xuất khẩu	Lượng xuất khẩu	+/- so tuần trước	Lũy kế cùng kỳ			Cả năm 2020
			2020	2021	+/- so 2020	
THÁI LAN	162	+3,18%	4.030	3.939	-2,25%	5.669
ẤN ĐỘ	301	+4,51%	10.494	15.178	+44,63%	14.601
VIỆT NAM	134	+9,84%	5.160	4.380	-15,12%	6.575
PAKISTAN	98	+3,16%	2.745	2.559	-6,78%	4.133
MỸ	55	+176,77%	1.929	2.113	+9,55%	2.840
Tổng cộng	750	+9,87%	24.359	28.169	+15,64%	32.970

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

Trung Quốc:

**Dự báo từ USDA:*

Ngày 08/10/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Cơ quan USDA đã công bố bảng cân đối gạo mới nhất trong năm thị trường 2021/22 (tháng 07/2021 - 06/2022) của Trung Quốc. Theo bảng cân đối, cơ quan này đã nâng dự báo của mình về diện tích thu hoạch, sản lượng gạo xay xát và tiêu thụ, đồng thời giữ nguyên dự báo về sản lượng xuất và nhập khẩu gạo so với dự báo chính thức trước đó. Dự báo về dự trữ gạo trong năm thị trường 2021/22 bị hạ xuống so với ước tính trước đó.

Cụ thể, sản lượng gạo xay xát của Trung Quốc được cơ quan USDA nâng dự báo do năng suất gạo indica vụ sớm tốt hơn. Theo số liệu thống kê chính thức do Cục Thống kê Quốc gia (NBS) công bố, sản lượng gạo vụ sớm đạt 28 triệu tấn, tăng khoảng 2,7% so với cùng kỳ năm trước. Năng suất lúa tăng 3%, mặc dù diện tích gieo trồng giảm 0,4%. Sản lượng tại các tỉnh Hồ Nam, Quảng Tây, Giang Tây và Quảng Đông chiếm khoảng 75% sản lượng gạo vụ sớm của quốc gia này.

Bên cạnh đó, cơ quan USDA cũng nâng dự báo tiêu thụ gạo của Trung Quốc do nhu cầu thức ăn chăn nuôi tăng. Trung Quốc bắt đầu cung cấp gạo dự trữ cũ cho 04 doanh nghiệp nhà nước (DNNN) vào tháng 8/2020 với giá dự trữ 1.300 NDT (khoảng 200 USD). Tính đến ngày 15/11/2020, hơn 5 triệu tấn gạo có chất lượng cho thức ăn chăn nuôi đã được bán thông qua đấu giá

cho 10 DNNN. Vào ngày 31/03/2021, Trung Quốc đã nối lại các cuộc đấu giá gạo chất lượng thức ăn chăn nuôi với giá dự trữ 1.500 NDT (khoảng 231 USD) mỗi tấn tại khu vực Đông Bắc. Tính đến cuối tháng 6, khoảng 10 triệu tấn gạo đã được bán.

Hầu hết các nhà máy thức ăn chăn nuôi chuộng sử dụng gạo lứt hơn gạo tằm và các phụ phẩm khác thay thế cho ngô trong công thức thức ăn cho lợn do lợi thế về giá của nó. Một số trong số họ đã thay thế 20% việc sử dụng ngô của họ bằng gạo lứt trong công thức thức ăn cho lợn.

Chính phủ đã tiến hành một phiên đấu giá gạo đặc biệt để cung cấp tổng cộng 2 triệu tấn gạo thu hoạch từ năm 2015 đến 2017 với giá dự trữ là 1.500 NDT (khoảng 231 USD) vào tháng 7/2021 nhưng đã không công bố cho đến ngày 19/08/2021. Các nguồn tin cho biết chính phủ đã trì hoãn cuộc đấu giá để tránh giá ngô tiếp tục giảm, vốn đã giảm kể từ tháng 7.

Ngoài ra, cơ quan USDA giữ nguyên dự báo nhập khẩu gạo của quốc gia này không thay đổi ở mức 3,6 triệu tấn. Trung Quốc thích gạo nhập khẩu hơn gạo trong nước do lợi thế về giá. Trong khi đó, giá gạo quốc tế đã giảm kể từ đầu năm 2021. Trung Quốc chủ yếu nhập khẩu gạo cao cấp từ Thái Lan và Campuchia. Gạo nhập khẩu từ Việt Nam và Pakistan được pha trộn với gạo địa phương để có được chi phí trung bình thấp hơn tổng thể. Kể từ năm 2020, Trung Quốc đã nhập khẩu gạo tằm chủ yếu từ Ấn Độ và Miến Điện và được sử dụng trong chế biến thức ăn chăn nuôi cũng như sản xuất rượu hoặc đồ ăn nhẹ. Trung Quốc đã nhập khẩu 3,2 triệu tấn gạo trong tháng 1-8/2021, tăng khoảng 112% so với cùng kỳ năm trước.

Dự báo xuất khẩu gạo của Trung Quốc cũng được giữ nguyên dự báo và không thay đổi ở mức 2,4 triệu tấn.

Nhật Bản:

***Thông báo đấu thầu quốc tế:**

Ngày 11/10/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông báo trên trang web của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản (MAFF), nước này sẽ tổ chức đấu thầu quốc tế nhằm mua 66.200 tấn gạo, giao hàng từ 10/11 - 31/12/2021. Buổi đấu thầu sẽ diễn ra vào lúc 1:15 đến 2:00 chiều (theo giờ Nhật Bản), ngày 15/10/2021.

Chi tiết thông tin đấu thầu tại:

maff.go.jp/j/seisan/boueki/nyusatu/n_announce/attach/pdf/index-396.pdf

***Thông báo đấu thầu SBS:**

Ngày 13/10/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông báo của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản (MAFF), nước này sẽ tổ chức đấu thầu mua và bán đồng thời (SBS) lần thứ hai trong năm tài chính 2021/22 (4/2021 - 3/2022) vào ngày 27/10/2021 nhằm mua khoảng 25.000 tấn gạo. Buổi đấu thầu sẽ được diễn ra từ 11:00 sáng đến 12:00 trưa theo giờ Nhật Bản.

Chi tiết thông tin buổi đấu thầu tại

https://www.maff.go.jp/j/seisan/boueki/nyusatu/n_announce/attach/pdf/in dex-398.pdf

Cộng hòa Dominican:

****Dự báo từ FAO:***

Ngày 11/10/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc (FAO) dự báo sản lượng gạo năm 2021 của Cộng hòa Dominica (DR) ở mức 1,1 triệu tấn, tăng khoảng 6,2% so với ước tính 1,036 triệu tấn vào năm 2020.

Lúa vụ thứ hai trong năm 2021 đang được thu hoạch và chiếm khoảng một nửa sản lượng hàng năm. Diện tích trồng ước tính cao hơn khoảng 20% so với mức trung bình 5 năm trước đó. Sự gia tăng là do giá cao tại thời điểm trồng. Trong khi, sản lượng từ vụ lúa đầu tiên trong năm 2021 được thu hoạch trong quý 2 năm nay, chính thức ước đạt 550.000 tấn, cao hơn khoảng 10% so với trung bình 5 năm do gieo hạt lớn.

Giá gạo bán lẻ đã tăng kể từ tháng 5/2021 và cao hơn 10% so với cùng kỳ năm 2021 do chi phí sản xuất tăng cao.

Hàn Quốc:

****Tình hình sản xuất lúa gạo:***

Ngày 11/10/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo Tân Hoa Xã, chính phủ Hàn Quốc dự báo sản lượng gạo năm 2021 của nước này ở mức 3,827 triệu tấn, tăng khoảng 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Theo Cục thống kê nước này, nguyên nhân của việc gia tăng được cho là do điều kiện thời tiết thuận lợi.

Diện tích lúa tăng khoảng 0,8% khoảng 732.477 ha so với cùng kỳ năm trước. Năng suất năm 2021 được dự báo tăng khoảng 8,2% so với cùng kỳ lên 5,22 tấn/ha.

Tiêu thụ gạo ở nước này đã giảm trong vài thập kỷ qua do những thay đổi trong chế độ ăn uống.

Iran:

***Tình hình sản xuất lúa gạo:**

Ngày 12/10/2021

(Nguồn: Oryza.com)

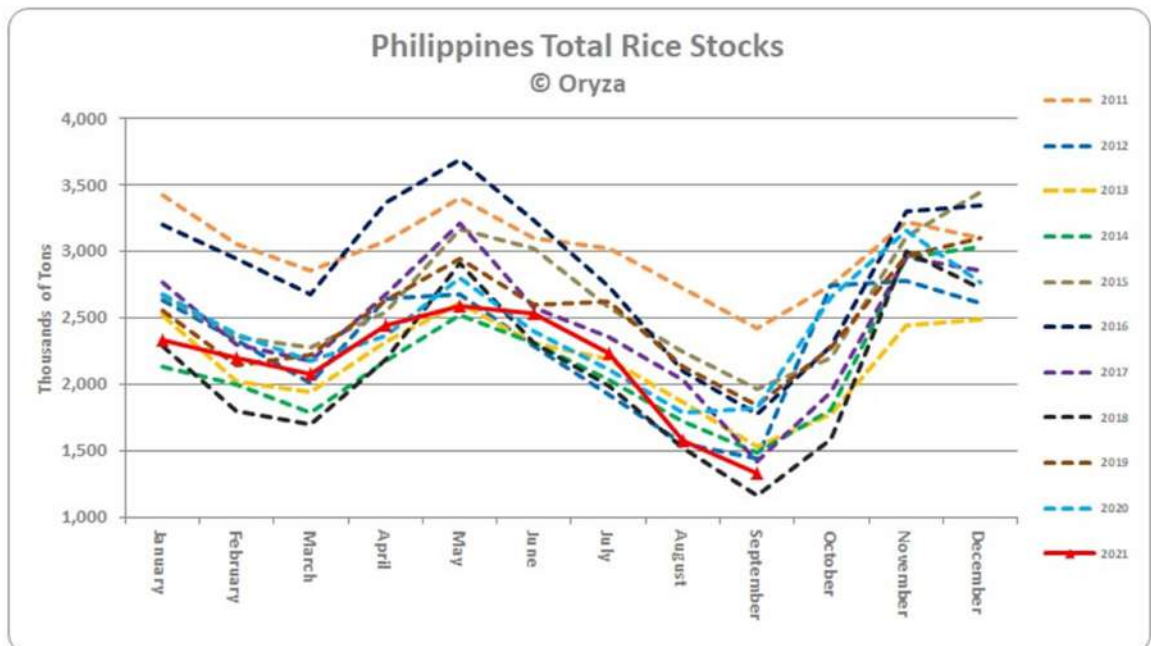
Theo Press TV, nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm dương lịch 2021/22 (từ 21/03 đến 20/02) của Iran đạt 714.773 tấn gạo, trị giá 607 triệu USD so với cùng kỳ về số lượng tăng khoảng 33% và về giá trị tăng 24%. Sự gia tăng này diễn ra bất chấp lệnh cấm nhập khẩu gạo theo mùa trong thời gian thu hoạch (tháng 7/ tháng 11).

Philippines:

***Tình hình dự trữ gạo:**

Ngày 13/10/2021

(Nguồn: Oryza.com)



Theo Cục Thống kê Philippines (PSA), tính đến ngày 01/09/2021, tổng sản lượng gạo dự trữ của quốc gia này ở mức 1,332 triệu tấn (Trong đó, sản lượng gạo dự trữ hộ gia đình ở mức 638.160 tấn, tồn kho thương mại ở mức 543.020 tấn và dự trữ quốc gia ở mức 151.170 tấn), giảm khoảng 26,9% so với mức 1,823 triệu tấn so với số liệu của cùng kỳ năm ngoái. Nếu so với tháng trước đó, tổng sản lượng gạo dự trữ của nước này giảm khoảng 15,6% so với mức 1,578 triệu tấn.

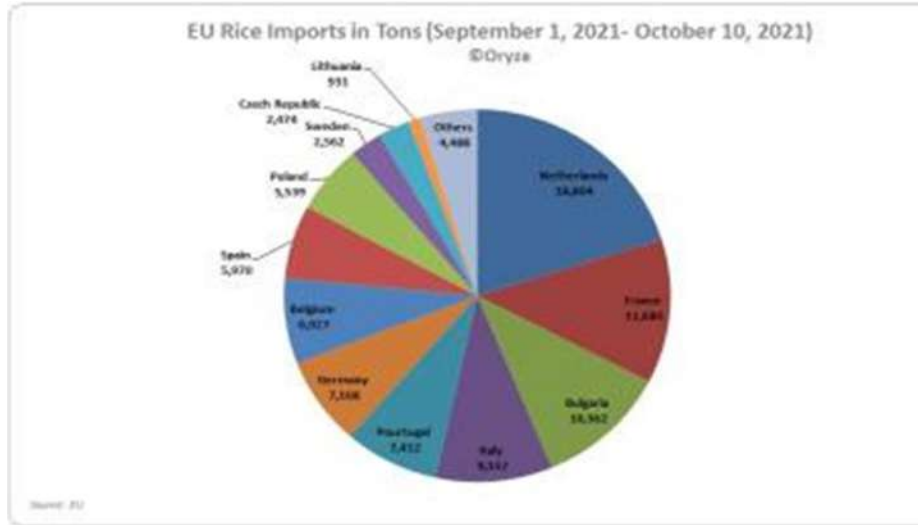
Châu Âu – Vương Quốc Anh:

***Tình hình xuất nhập khẩu gạo:**

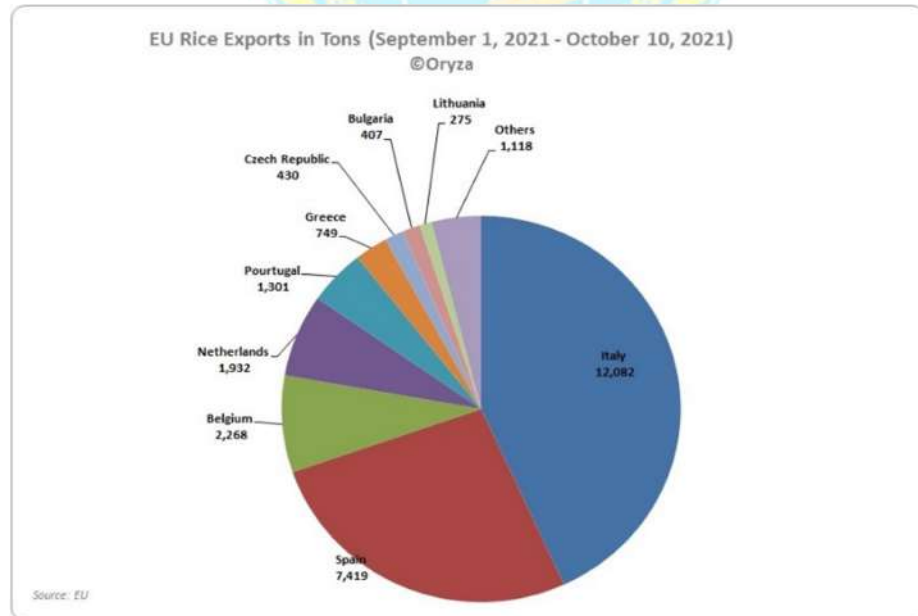
Ngày 13/10/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo số liệu xuất nhập khẩu mới nhất của Liên minh châu Âu (EU), tính từ ngày 01/09/2021 đến ngày 10/10/2021 của niên vụ 2021/22 (01/09/2021 - 31/08/2022), EU và Anh đã nhập khẩu tổng cộng 93.473 tấn gạo xay xát (trong đó, nhập khẩu gạo Japonica tổng cộng là 22.255 tấn và nhập khẩu gạo Indica đạt tổng cộng 71.217 tấn), giảm khoảng 20% so với 117.250 triệu tấn của cùng kỳ niên vụ 2020/2021.



Về xuất khẩu, EU và Anh đã xuất khẩu tổng cộng 27.981 tấn gạo xay xát, tăng gấp 2,28 lần so với 12.289 tấn của cùng kỳ của niên vụ trước. Trong đó, xuất khẩu gạo Japonica đạt 19.174 tấn và xuất khẩu gạo Indica đạt tổng cộng 8.807 tấn.



* Lưu ý: Dữ liệu sau ngày 01/01/2021, không bao gồm Vương quốc Anh vì Brexit. Trước Brexit, trong niên vụ hiện tại, từ ngày 01/09/2020 - ngày 31/12/2020, Anh đã nhập khẩu 84.020 tấn và xuất khẩu 362 tấn.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Thái Lan:

Kết thúc tuần khá yên ắng, nhu cầu châu Phi hạ nhiệt trong khi giá nội địa tăng do lo ngại tình hình lũ lụt. Thị trường hiện vẫn ghi nhận nhu cầu nhập khẩu gạo trắng 5% tấm và tấm từ Trung Quốc. Tuy nhiên, các giao dịch số lượng lớn tiếp tục bị hạn chế bởi tình trạng khan hiếm container rỗng và giá cước tăng cao. Các nhà nhập khẩu Trung Quốc đang cân nhắc đến phương án vận chuyển đường bộ quá cảnh qua Lào. Bên cạnh đó, thỏa thuận mới 44.000 tấn gạo trắng với Iraq được đề cập trong tuần qua hiện vẫn chưa được xác nhận chính thức. Giá chào gạo trắng 5% tấm và gạo tấm trắng tuần qua theo đó cũng nhích nhẹ.

Tương tự đối với phân khúc gạo đỏ khi thị trường đang trong mối lo chung về tình hình lũ lụt tiếp diễn tại miền bắc và miền trung nước này. Khu vực Bangkok hiện khá an toàn trong khi chưa thể đánh giá toàn diện được những thiệt hại do lũ lụt gây ra tại hai khu vực kia khi thời tiết những ngày qua vẫn mưa liên tục. Cả hai phân khúc gạo trắng và gạo thơm đều đang đứng trước nguy cơ thiệt hại này.

Ấn Độ:

Thị trường xuất khẩu gạo trắng kết thúc tuần yên ắng do nhu cầu chậm lại trong khi giá nội địa tăng do lo ngại nguồn cung hạn chế khi chính phủ nước này can thiệp sâu vào Chương trình Phân phối Công cộng, giám sát các kho hàng chờ xuất tại cảng, làm ảnh hưởng đến tiến độ xuất khẩu gạo trắng. Tuy nhiên, đồng rupee quay đầu giảm giá trong tuần qua đã giúp giá chào gạo trắng 5% tấm kết thúc ngày thứ Sáu, 08/10/2021, ổn định trong khi giá chào gạo trắng 25% tấm chỉ giảm nhẹ so với tuần trước đó. Một số thương nhân hy vọng đồng rupee sẽ tiếp tục suy yếu trong thời gian tới để nguồn cung này có thể duy trì được khả năng cạnh tranh trên thị trường thương mại gạo thế giới, nhất là khi phân khúc gạo trắng và tấm trắng trong nước đang nóng lên. Bên cạnh đó, nhu cầu nhập khẩu từ khu vực Tây Phi tiếp tục ảm đạm do lợi nhuận biên của các thương nhân kinh doanh gạo nội địa nơi đến bị thu hẹp đáng kể khi chính phủ quyết định can thiệp vào giá bán lẻ mặt hàng gạo tấm kể từ thời điểm đầu tháng 9/2021 vừa qua.

Tương tự tuần trước, phân khúc gạo basmati kết thúc tuần yên ắng do đồng rupee suy yếu trong khi giá nội địa cũng hạ nhiệt sau thời gian đón nhận nhu cầu sôi động. Giá cước tăng cao tiếp tục làm hạn chế các nhu cầu mới trong khi nguồn cung này vẫn đang trong thời gian giáp hạt cho đến cuối quý IV/2021.

Ấn Độ xuất khẩu 1,62 triệu tấn gạo các loại trong tháng 8/2021, tăng 24% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng 8,7% so với tháng 7/2021. Trong đó,

gạo non-basmati tăng đến 42% và gạo basmati tăng 23% so với cùng kỳ 2020. Lũy kế xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2021 đạt 14,4 triệu tấn, tăng 58% so với cùng kỳ 2020. Những con số này cho thấy Ấn Độ hiện vẫn là nguồn cung cạnh tranh nhất trên thị trường thương mại gạo thế giới dù giá chào của các nguồn cung khác trong khu vực đều sụt giảm vài tháng gần đây.

Pakistan:

Tiến độ thu hoạch cải thiện đang gây áp lực giảm giá lên nguồn cung này. Dự kiến lượng gạo hàng hóa sẽ dồi dào hơn vào cuối tháng 10 này và các đơn hàng xuất khẩu gạo vụ mới cũng sẽ bắt đầu giao. Hiện nay, các thương nhân chỉ mua gạo nguyên liệu chuẩn bị cho các đơn hàng Bernas đã ký kết cũng các đơn hàng có lịch giao. Thị trường hiện vẫn chưa ghi nhận nhiều nhu cầu mới do tỷ giá đang biến động mạnh, nhu cầu khu vực châu Phi lại đang hướng về nguồn cung Miến Điện và Ấn Độ do giá chào cạnh tranh. Trong khi đó, Trung Quốc vẫn dành sự quan tâm cho mặt hàng gạo trắng 5% tấm và tấm trắng của Pakistan, tuy nhiên, giá chào gạo trắng 5% tấm hiện vẫn cao hơn mức giá mong muốn của các nhà nhập khẩu Trung Quốc dù các thương nhân trong tuần qua đã chủ động chào thấp hơn. Riêng giá gạo tấm trắng vẫn kết thúc tuần tăng nhẹ do nhu cầu nhập khẩu ổn định từ Trung Quốc. Khó khăn trên tất cả các tuyến vận tải biển tiếp tục gây ảnh hưởng đến nguồn cung này và hầu hết các thương nhân buộc phải chuyển sang giao hàng tàu do thiếu container rỗng, đặc biệt là tuyến đi Tây Phi. Nếu tình trạng này tiếp diễn, rất có khả năng các thương nhân phải chuyển tải qua khu vực Đông Phi để hàng hóa có thể đến được các thị trường truyền thống Tây Phi.

Phân khúc gạo basmati kết thúc tuần “lẫn lộn” khi thị trường trong nước sôi động trước nhu cầu nhập khẩu từ Iran và châu Âu trong khi các thương nhân lại đang tập trung giải phóng tồn kho để chuẩn bị cho vụ thu hoạch sắp tới. Giá chào gạo basmati kết thúc tuần giảm nhẹ. Dự kiến Iran sẽ sớm quay lại nhập khẩu gạo basmati của Pakistan do giá bán lẻ nội địa Iran, kể cả gạo nhập khẩu, tăng mạnh trong thời gian qua. Một số thương nhân đánh giá khối lượng gạo nhập khẩu của Iran trong thời gian tới là khá lớn.

Miến Điện:

Kết thúc tuần lạc quan khi người mua dành nhiều quan tâm hơn cho nguồn cung này nhờ giá chào hiện đang ở mức rất cạnh tranh và cũng khá tiệm cận với giá chào gạo Ấn Độ, đặc biệt đối với mặt hàng gạo tấm trắng. Hiện nay, các thương nhân đang tập trung xếp các tàu gạo trắng 25% tấm đi châu Phi, gạo tấm trắng đi Bỉ và Trung Quốc. Dù thị trường đã bắt đầu ghi nhận các tín hiệu sôi động hơn nhưng tình trạng khan hiếm container rỗng, giá cước tăng cao và thị trường tàu rời khó khăn vẫn đang gây hạn chế cho nguồn cung này.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	Ngày 08/10	Ngày 11/10	Ngày 12/10	Ngày 13/10	Ngày 14/10
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,44	6,45	6,45	6,43	6,44
Euro (USD/Euro)	1,16	1,16	1,15	1,16	1,16
Rupiah Indonesia (IDR)	14.221,84	14.207,83	14.214,23	14.213,27	14.103,24
Rupee Ấn Độ (INR)	75,10	75,44	75,46	75,32	75,07
Yen Nhật Bản (JPY)	112,16	113,37	113,71	113,49	113,59
Philippines Peso (PHP)	50,59	50,83	50,86	50,61	50,73
Pakistan Rupees (PKR)	170,64	171,07	170,53	171,12	171,24
Baht Thái Lan (THB)	33,87	33,61	33,31	33,21	33,16
Vietnamese Dong (VND)	22.754,25	22.755,33	22.759,65	22.755,17	22.754,47

(Nguồn: www.xe.com)

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Tính đến ngày 14/10/2021, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL vụ Hè Thu 2021 xuống giống được 1,510 triệu ha, đã thu hoạch dứt điểm với năng suất gần 5,67 tấn/ha; vụ Thu Đông 2021 xuống giống được 700 ngàn ha/700 ngàn ha diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được 285 ngàn ha với năng suất 5,47 tấn/ha.

2. Tình hình và dự báo sâu bệnh tổng hợp trong tuần từ ngày 01.10 đến 07.10.2021:

(Nguồn Cục BVTV, Theo www.ppd.gov.vn)

2.1. Tình hình sinh vật gây hại chủ yếu:

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 1.148 ha (giảm 1.935 ha so với kỳ trước, giảm 3.028 ha so với CKNT), phòng trừ 647 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Đồng Nai, Tiền Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Hậu Giang, Vĩnh Long, Bình Phước, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Bắc Ninh,...

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 3.095 ha (tăng 12 ha so với kỳ trước, tăng 852 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 1.657 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh như An Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tây Ninh, Đồng Nai, Bạc Liêu, Gia Lai, Bình Thuận, Đắk Lak, Lâm Đồng, Bắc Ninh, Sơn La, Bắc Giang, Yên Bái, Hòa Bình, Lào Cai, Nghệ An, ...

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 804 ha (giảm 808 ha so với kỳ trước, tăng 256 ha so với CKNT); diện tích phòng trừ trong kỳ 604 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bình Thuận, Gia Lai, Phú yên, Bắc Giang, Quảng

Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định, Thái Nguyên, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Nghệ An,...

- Bệnh đạo ôn:

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 7.987 ha (tăng 664 ha so với kỳ trước, giảm 303ha so với CKNT), phòng trừ 5.175 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh An Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Nai, Long An, Kiên Giang, Bình Thuận, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lak, Ninh Thuận, ...;

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 1.078 ha (giảm 07 ha so với kỳ trước, giảm 4.431 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 530 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Hòa Bình, Bắc Giang, Bắc Kan,...

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 3.691 ha (giảm 460 ha so với kỳ trước, giảm 2.299 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 3.700 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh như Kiên Giang, , Hậu Giang, Vĩnh Long Tiền Giang, Sóc Trăng, An Giang, Bắc Giang, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Nghệ An...;

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 8.702 ha (giảm 1.306 ha so với kỳ trước, tăng 3.415 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 4.001 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh như Kiên Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bạc Liêu, Hậu Giang, An Giang, Nam Định, Hải Phòng, Nam Định, Nghệ An,...

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 7.587 ha (giảm 1.876 ha so với kỳ trước, tăng 2.286 ha so với CKNT) diện tích phòng trừ trong kỳ 2.797 ha. Phân bố tại các tỉnh Bạc Liêu, Đồng Nai, Sóc Trăng, Long An, Tp. HCM, Bình Dương, Bình Thuận, Lâm Đồng, Đắk Lắk,...

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 3.673 ha (giảm 822 ha so với kỳ trước, giảm 1.255 ha so với CKNT), diện tích nặng 76 ha, diện tích bị mất trắng 6 ha (Hải Phòng) diện tích phòng trừ trong kỳ 1.563 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh An Giang, Bạc Liêu, Đồng Nai, Vĩnh Long, Hậu Giang, Hồ Chí Minh,...

- **Lúa cỏ:** Diện tích nhiễm 735 ha, nặng 116 ha (giảm 169 ha so với kỳ trước). Diện tích phòng trừ 136 ha, diện tích đã tiêu hủy 361 ha. Phân bố chủ yếu ở Ninh Bình, Hà Nam,...

2.2. Dự báo sâu bệnh:

*** Trên cây lúa**

a) Các tỉnh Bắc Bộ

- **Rầy nâu – rầy lưng trắng:** Tiếp tục phát triển và gây hại chủ yếu trên lúa Mùa muộn, giai đoạn chắc xanh – chín, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình;

- **Sâu đục thân hai chấm:** Sâu non tiếp tục bông bạc trên lúa Mùa muộn, nhất là những giống lúa đặc sản dài ngày;

Ngoài ra, các đối tượng sinh vật gây hại khác như: *sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, bệnh khô vằn, bệnh đen lép hạt, chuột, bọ xít dài, lúa cỏ,...* tiếp tục hại cục bộ trên lúa muộn.

b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ: Trà lúa Hè Thu, Mùa cơ bản thu hoạch được trên 95 %, tình sâu bệnh hại không đáng kể.

Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn, bệnh lem lép hạt, bệnh khô vằn, chuột... tiếp tục gây hại cục bộ trên lúa Mùa muộn giai đoạn trổ - chín sấp tại các tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa.

Các đối tượng sinh vật gây hại khác phát sinh gây hại nhẹ.

c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên:

- *Sâu đục thân hai chấm, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh khô vằn, bệnh lem lép thối hạt...* tiếp tục gây hại lúa Hè Thu muộn ở Tây Nguyên giai đoạn chắc xanh - chín, mức độ hại phổ biến nhẹ - trung bình;

- *Bệnh đạo ôn lá:* tiếp tục phát sinh gây hại mạnh trên lúa Mùa giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng ở Bình Thuận, Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình; *bệnh đạo ôn cổ bông* gây hại cục bộ;

- *Sâu đục thân hai chấm, sâu cuốn lá nhỏ,..* tiếp tục phát sinh gây hại trên lúa vụ 3, lúa Mùa giai đoạn đẻ nhánh – đòng trổ, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình;

- *Chuột:* Hại cục bộ trên các trà lúa (Hè Thu cuối vụ, lúa Mùa, lúa vụ 3);

- *Ốc bươu vàng:* Tiếp tục gây hại chủ yếu trên lúa Mùa, lúa Thu Đông giai đoạn từ Mạ - đẻ nhánh, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình.

d) Các tỉnh Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long

- *Rầy nâu:* Trong tuần tới trên đồng ruộng sẽ có đợt rầy cám nở rộ và gây hại phổ biến từ nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ; những tỉnh chuẩn bị xuống giống vụ Đông Xuân sớm chú ý chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, theo dõi tình hình rầy vào đèn tại địa phương để xuống giống né rầy đạt hiệu quả;

- *Bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, đạo ôn cổ bông và lem lép hạt:* Tiếp tục phát triển và gây hại mạnh trong thời gian tới do ảnh hưởng thời tiết có mưa nhiều, dông, nắng gián đoạn, nhất là trên những ruộng gieo sạ dày, bón thừa phân đạm, sử dụng giống nhiễm,... Các tỉnh khuyến cáo bà con nông dân cần thường xuyên thăm đồng điều tra phát hiện sớm để quản lý và phòng trừ kịp thời.

- Ngoài ra cần chú ý: Thời tiết trong khu vực thời gian tới vẫn còn duy trì có mưa lớn kéo dài trên diện rộng. Đây là điều kiện thuận lợi cho *ốc bươu vàng* di chuyển, gia tăng diện tích nhiễm. Khuyến cáo người dân thực hiện các biện pháp diệt trừ ốc bươu vàng để bảo vệ sản xuất. Đặt lưới, phen tre chặn mương nước vào ruộng để ngăn ốc xâm nhập và bắt ốc, tiêu hủy dễ dàng.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:

Theo số liệu tổng hợp, kết quả xuất khẩu tháng 09/2021 đạt 593.624 tấn, trị giá 293,149 triệu USD so với cùng kỳ tăng 54,45% về số lượng và tăng 50,12% về trị giá.

Lũy kế xuất khẩu gạo Việt Nam từ đầu năm đến ngày 30/09/2021 số lượng đạt 4,573 triệu tấn, trị giá 2,419 tỷ USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 8,32% và về trị giá giảm 1,16%.

*** Thị trường xuất khẩu tháng 9/2021:**

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD/tấn)	Chiếm (%)
Angola	284	145.440	0,05%
Australia	2.147	1.474.080	0,36%
Bangladesh	108	43.200	0,02%
Cuba	30.890	15.825.256	5,20%
Chile	79	56.900	0,01%
China	111.709	47.757.455	18,82%
East Timor	2.700	1.053.750	0,45%
France	326	216.330	0,05%
Ghana	35.038	21.360.942	5,90%
Hongkong	6.807	4.038.176	1,15%
Indonesia	6.300	3.019.725	1,06%
Ivory Coast	18.548	9.832.449	3,12%
Laos	1.591	659.584	0,27%
Malaysia	36.899	15.851.169	6,22%
Mozambique	13.472	7.358.955	2,27%
Netherlands	826	610.914	0,14%
Papua New Guinea	5.813	2.538.743	0,98%
Poland	306	210.502	0,05%
Philippines	283.448	138.157.537	47,75%
Saudi Arabia	2.308	1.508.357	0,39%
Singapore	6.824	3.988.888	1,15%
South Africa	1.048	726.313	0,18%
Taiwan	1.194	584.557	0,20%
Turkey	44	41.634	0,01%
Ukraine	216	127.440	0,04%
United Arab Emirates	3.134	2.038.381	0,53%
United States of America	995	789.327	0,17%
<i>Các nước khác</i>	20.570	13.133.199	3,47%
TỔNG CỘNG	593.624	293.149.203	100,00%

III. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/10 - 14/10/2021, có 09 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 64.100 tấn gạo các loại trong đó, 02 tàu cảng Hồ Chí Minh và 07 tàu cảng Mỹ Thới.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	S. Neptune	HCM	04/09/2021	27.000	Châu Phi
2	Global Harmony	HCM	20/09/2021	30.000	Cuba
3	Hòa Bình 54	HCM	20/09/2021	6.000	Philippines
4	TLC 01	HCM	24/09/2021	6.000	Philippines
5	Hòa Bình 45	HCM	26/09/2021	4.000	Philippines
6	Hải Hà 58	Mỹ Thới	01/10/2021	3.800	Philippines
7	Quang Minh 6	Mỹ Thới	01/10/2021	4.000	Philippines
8	Royal 88	Mỹ Thới	01/10/2021	4.100	Philippines
9	Việt Hải Star	Mỹ Thới	01/10/2021	4.000	Philippines
10	Quang Minh 9	HCM	05/10/2021	4.000	Philippines
11	Daido Ambition	HCM	06/10/2021	32.000	Châu Phi
12	Mekong	Mỹ Thới	06/10/2021	4.000	Philippines
13	Hà Đông	Mỹ Thới	07/10/2021	4.100	Philippines
14	New Xa La	Mỹ Thới	07/10/2021	4.100	Philippines
Tổng				137.100	



III. GIÁ LÚA GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	14/10	+/-	14/10	+/-	14/10	+/-	14/10	+/-	14/10	+/-	14/10	+/-	14/10	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	6.150	+500	5.300	+100	5.750	+300	5.700	-	5.750	+400			6.200	+200	6.200	5.808
Lúa thường	5.450	+200	4.800	-			5.400	-	5.350	200	5.350	+100	5.350	+100	5.450	5.283
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	7.450	-	6.650	+100	7.100	+350			6.000	+400			7.200	+200	7.450	6.880
Lúa thường	7.350	-	6.150	-					5.600	+200			6.350	+100	7.350	6.363
Gao Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	8.250	+200	8.700	+200	9.025	+325			8.950	+400			9.300	+300	9.300	8.845
Lứt loại 2	8.050	+200	8.100	+100	8.225	+175			8.250	+200	8.250	+200	8.300	+300	8.300	8.196
Xát trắng loại 1			9.800	+250			10.350	+500	10.500	+600			10.500	+100	10.500	10.288
Xát trắng loại 2			8.900	+100			9.200	+250	8.950	-	9.200	+100	9.350	+150	9.350	9.120
Phụ Phẩm																
Tấm 1/2	7.750	+400	7.600	+150	7.550	+300	7.450	+250	7.250	+150	7.450	+500	7.800	+200	7.800	7.550
Tấm 2/3			7.300	+150	7.550	+300			6.950	-			7.400	+400	7.550	7.300
Tấm 3/4	6.850	-	7.200	+150	7.050	+200	7.150	+600							7.200	7.063
Cám xát	7.450	+400	7.200	+250	7.450	+700	7.350	+150	7.550	+350	7.250	+500	7.700	+600	7.700	7.421
Cám lau	7.450	+400	7.200	+250	7.450	+700	7.350	+150	7.550	+350	7.250	+500	7.700	+600	7.700	7.421
Gao TPXK Không Bao Tại Man																
5%	9.750	+100	9.350	+100	9.450	+100	9.500	+50	9.700	+200	9.600	+100	9.400	-	9.750	9.536
10%			9.250	+100					9.600	+200					9.600	9.425
15%	9.550	+100	9.150	+100	9.150	+100			9.400	+200	9.300	+100	9.200	-	9.550	9.292
20%			9.050	+100					9.300	+200					9.300	9.175
25%	9.350	+100	8.950	+100	8.850	+100			9.200	+200	9.000	+100	8.900	-	9.350	9.042
